

**DANH SÁCH TIẾP NHẬN PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
QUẬN TÂN BÌNH NĂM HỌC 2024 - 2025 (VỊ TRÍ DỰ TUYỂN: NHÂN VIÊN)**

(kèm theo Thông báo số 300/TB-HĐTDVC ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Chứng chỉ nghiệp vụ	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
BẬC MẦM NON													
1	Đặng Hoài Thảo Uyên	21/9/1994	Nữ	Kinh	Nhân viên Văn thư	Trường Mầm non 1	Đại học	Quản lý giáo dục	Anh văn B	CNTT nâng cao	Chứng chỉ Văn thư - Lưu trữ		
2	Lê Thị Như Quỳnh	20/8/1999	Nữ	Kinh	Nhân viên Văn thư	Trường Mầm non 3	Đại học	Kinh doanh quốc tế	Đại học		Chứng chỉ Văn thư - Lưu trữ		
3	Nguyễn Thị Thu Hồng	01/01/1984	Nữ	Kinh	Nhân viên Văn thư	Trường Mầm non 3	Đại học	Luật	Anh văn B	B			Gửi đường bưu điện
4	Hồ Thị Mỹ Đức	16/01/1971	Nữ	Kinh	Nhân viên Y tế học đường	Trường Mầm non 9	Trung cấp	Y sĩ	Anh văn C				Gửi đường bưu điện
5	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	10/6/1982	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Mầm non 11	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh văn B	B			
CẤP TIỂU HỌC													
1	Ngô Khánh Toại	25/3/1970	Nam	Kinh	Nhân viên Giáo vụ	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Sư phạm Toán học		Kỹ sư (Đại học)			
2	Đào Thị Quỳnh Như	08/10/1983	Nữ	Kinh	Nhân viên Giáo vụ	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	Trung cấp		Con thương binh	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Chứng chỉ nghiệp vụ	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
3	Trần Thị Lan Phương	16/02/1988	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Cao đẳng	Kế toán	Anh văn A2	CNTT cơ bản			
4	Phạm Anh Dũng	25/02/1986	Nam	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Kịp	Đại học (Kỹ sư)	Công nghệ kỹ thuật điện tử - Truyền thông	Anh văn B				
5	Lê Huỳnh Ngọc Tú	13/7/2001	Nữ	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Kịp	Đại học	Luật	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH			
6	Hồ Thị Kim Duyên	04/10/1987	Nữ	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Kịp	Đại học	Luật kinh tế	Anh văn B	A			
7	Nguyễn Thị Hồng Phúc	29/10/1974	Nữ	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Kịp	Đại học Thạc sĩ	Tài chính Kế toán Quản lý công	Anh văn B	CNTT cơ bản			Gửi đường bưu điện
8	Vũ Hoàng Phước	14/9/1984	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Kế toán	B	B			
9	Thái Thị Tân Diệu	19/12/1984	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Kinh tế - Kế toán Kiểm toán	Anh văn B	B			Gửi đường bưu điện
10	Lữ Kim Thủy	08/6/1986	Nữ	Hoa	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Kế toán - Kiểm toán	Anh văn B	A		dân tộc Hoa	
11	Nguyễn Thị Kim Tinh	16/02/1990	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Chi Lăng	Đại học	Kế toán	Anh văn B	CNTT cơ bản	bồi dưỡng ngạch kế toán viên		
12	Trần Vũ Minh Thanh	10/5/1995	Nữ	Kinh	Nhân viên Giáo vụ	Trường Tiểu học Chi Lăng	Đại học	Sư phạm Ngữ văn					
13	Nguyễn Mai Gia Huy	19/11/2000	Nam	Kinh	Nhân viên Giáo vụ	Trường Tiểu học Chi Lăng	Đại học	Hệ thống thông tin	Anh văn B2				Gửi đường bưu điện
14	Trần Ngọc Ánh	14/02/1994	Nữ	Kinh	Nhân viên Giáo vụ	Trường Tiểu học Chi Lăng	Cao đẳng	Sư phạm Tiếng Anh	Cao đẳng	CNTT cơ bản			

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Chứng chỉ nghiệp vụ	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
15	Đỗ Thị Hằng	20/10/1975	Nữ	Kinh	Nhân viên Thư viện	Trường Tiểu học Chi Lăng	Đại học Trung cấp	Báo chí Thư viện - Thiết bị trường học	Anh văn B	CNTT cơ bản	Bồi dưỡng CDNN VC chuyên ngành Thư viện		
16	Lê Thị Hồng Thanh	03/02/1983	Nữ	Kinh	Nhân viên Thư viện	Trường Tiểu học Chi Lăng	Đại học	Thông tin - Thư viện	Anh văn B	A		Con thương binh	
17	Phạm Thị Nguyệt	07/3/1984	Nữ	Kinh	Nhân viên Y tế học đường	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	Trung cấp	Y sĩ		CNTT nâng cao			
18	Nguyễn Thị Hạnh	23/02/1977	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Kế toán	Anh văn B1	A			
19	Hoàng Thị Lua	27/3/1987	Nữ	Tày	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Kế toán	Tiếng Trung A	Theo bảng điểm ĐH		dân tộc Tày	
20	Nguyễn Thanh Phượng	05/11/1985	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Kế toán	Anh văn B	A			
21	Lâm Tư Duyên	18/10/1990	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Kế toán	Anh văn A	A			
22	Đỗ Thị Thùy Dung	05/5/1994	Nữ	Kinh	Nhân viên Văn thư	Trường Tiểu học Nguyễn Khuyến	Trung cấp	Văn thư - Lưu trữ					
23	Trần Thị Nhu	10/8/1993	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	Cao đẳng	Kế toán	Anh văn B	B			
24	Trần Văn Sơn	13/7/1983	Nam	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	Đại học	Kế toán	Anh văn B	A			
25	Đỗ Ngọc Khánh Anh	24/8/1979	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	Đại học	Kế toán - Kiểm toán	Anh văn B	B			
26	Phan Trung Hiếu	30/11/1997	Nam	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Trường Tiểu học Yên Thế	Đại học	Luật	Anh văn B	B		Con thương binh	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Chứng chỉ nghiệp vụ	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
27	Vũ Thị Mai Hiền	26/10/1995	Nữ	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Trường Tiểu học Yên Thế	Đại học	Luật	Đại học				
CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ													
1	Chu Thị Hiền	22/12/1984	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Đại học	Kế toán	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH			
2	Nguyễn Ngọc Phương Mai	23/4/1984	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh văn C	A			Gửi đường bưu điện
3	Nguyễn Ngọc Thiên Hương	20/11/1987	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Đại học	Kế toán	Theo bảng điểm CĐ, ĐH	Theo bảng điểm Trung cấp			
4	Nguyễn Thị Thu Hương	18/10/1986	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh văn C	B			
5	Diệp Bảo Yến	23/01/1989	Nữ	Hoa	Chuyên viên về quản trị công sở	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Luật	Anh văn B	CNTT nâng cao		Dân tộc Hoa	
6	Trịnh Hồng Vân	15/5/1986	Nữ	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Luật	Anh văn A	A			
7	Nguyễn Vũ Hoàng My	14/01/1998	Nữ	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Truyền thông đa phương tiện	Anh văn B1	Microsoft Word Photoshop			
8	Lê Trung Thành	15/7/1977	Nam	Kinh	Nhân viên Thư viện	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Kế toán - Kiểm toán	Anh văn B	A	Chứng chỉ nghiệp vụ Thông tin - Thư viện		
9	Trần Trọng Nhân	18/01/1977	Nam	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường THCS Quang Trung	Đại học	Kế toán	Anh văn B	B	bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN chuyên ngành Kế toán		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Chứng chỉ nghiệp vụ	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
10	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	12/10/1983	Nữ	Kinh	Nhân viên Thư viện	Trường THCS Quang Trung	Trung cấp	Kế toán		CNTT cơ bản	bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN chuyên ngành Thư viện		
11	Võ Thị Phương Thảo	10/8/2001	Nữ	Kinh	Nhân viên Thư viện	Trường THCS Quang Trung	Đại học	Thông tin - Thư viện	Anh văn B1	CNTT cơ bản			
12	Huỳnh Nhật Linh	01/12/2001	Nữ	Kinh	Nhân viên Tư vấn học sinh	Trường THCS Quang Trung	Đại học	Công tác xã hội					
13	Trần Thị Thu Hiền	16/12/1980	Nữ	Kinh	Nhân viên Giáo vụ	Trường THCS Quang Trung	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn A	A			
14	Nguyễn Ngọc Nhiều	01/8/1989	Nữ	Kinh	Nhân viên Thư viện	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Lịch sử Tư tưởng HCM	Anh văn B	Đại cương	Chứng chỉ nghiệp vụ Thông tin - Thư viện		
15	Thái Nguyễn Đăng Khoa	29/9/1998	Nam	Kinh	Nhân viên Thư viện	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Kế toán	Anh văn A2	CNTT cơ bản	Chứng chỉ nghiệp vụ Thông tin - Thư viện		
16	Trần Thanh Uyên Phương	19/8/1998	Nữ	Kinh	Nhân viên Thư viện	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Khoa học Thư viện	Anh văn B	CNTT cơ bản			
17	Nguyễn Thị Ngọc Hương	31/5/1980	Nữ	Kinh	Nhân viên Thư viện	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B	A	Chứng chỉ nghiệp vụ Thông tin - Thư viện		
18	Trần Thị Thúy	17/7/1974	Nữ	Kinh	Nhân viên Thư viện	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Thông tin - Thư viện	Anh văn C	CNTT cơ bản			
19	Nguyễn Thị Hiền	03/9/1991	Nữ	Kinh	Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	Trường THCS Trường Chinh	Đại học	Công nghệ Kỹ thuật Hóa học	Anh văn C	A	Chứng chỉ nghiệp vụ Thiết bị, thí nghiệm		
20	Phạm Ngọc Tân	25/6/1991	Nam	Kinh	Nhân viên Thư viện	Trường THCS Trường Chinh	Đại học	Luật	Anh văn B	CNTT cơ bản	Chứng chỉ nghiệp vụ Thông tin -Thư viện		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Chứng chỉ nghiệp vụ	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
21	Đồng Phúc Như	02/6/2002	Nữ	Kinh	Nhân viên Thư viện	Trường THCS Trường Chinh	Đại học	Thông tin - Thư viện	Anh văn B1	CNTT cơ bản			
22	Phạm Thị Nga	06/6/1986	Nữ	Kinh	Nhân viên Thư viện	Trường THCS Trường Chinh	Đại học	Thư viện - Thông tin	Anh văn B	CNTT cơ bản			
23	Đỗ Thị Mai Trang	10/01/1981	Nữ	Kinh	Nhân viên Giáo vụ	Trường THCS Trường Chinh	Đại học	Kế toán					
24	Nguyễn Phúc Phương Anh	20/6/2002	Nữ	Kinh	Nhân viên Tư vấn học sinh	Trường THCS Trường Chinh	Đại học	Tâm lý học giáo dục	Anh văn B1	CNTT cơ bản			
25	Nguyễn Như Ý	12/3/2000	Nữ	Kinh	Nhân viên Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	Trường THCS Trường Chinh	Đại học	Tâm lý học					
26	Đoàn Bảo Phương	01/3/1988	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học	Kế toán	Đại học Ngữ văn Anh	Tin học đại cương			
27	Huỳnh Thị Tiến	04/10/1987	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học	Kế toán	Anh văn B	B			
28	Nguyễn Vũ Hương Lan	29/6/1990	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học	Kế toán		B			
29	Nguyễn Thị Thu Hà	01/6/1985	Nữ	Kinh	Nhân viên Giáo vụ	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học Thạc sĩ	Văn học Lý luận Văn học	Anh văn B	CNTT cơ bản		Con thương binh	
30	Phạm Thị Thanh Thảo	09/12/1999	Nữ	Kinh	Nhân viên Giáo vụ	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B1	CNTT cơ bản			Gửi đường bưu điện
31	Lê Đức Anh Tuấn	18/3/1997	Nam	Kinh	Nhân viên Tư vấn học sinh	Trường THCS Ngô Quyền	Cao đẳng	Sư phạm Toán	Theo bảng điểm CĐ	Theo bảng điểm CĐ			

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Chứng chỉ nghiệp vụ	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
32	Trần Minh Thạch	07/10/1985	Nam	Kinh	Nhân viên Y tế học đường	Trường THCS Ngô Quyền	Trung cấp	Y sĩ	Anh văn A2	CNTT cơ bản		Quân nhân xuất ngũ	Gửi đường bưu điện
33	Võ Đình Nhã Uy	10/4/1982	Nam	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học	Luật	Đại học	Trung cấp			
34	Nguyễn Thị Cẩm Tú	19/10/1983	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Cao đẳng	Kế toán	Anh văn B	CNTT cơ bản	BD ngạch Kế toán viên		
35	Lê Thị Khánh Hoà	09/07/1987	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Kế toán - Kiểm toán	Anh văn B	B			Gửi đường bưu điện
36	Võ Hoàng Ngọc Lan	28/3/1997	Nữ	Kinh	Nhân viên Y tế học đường	Trường THCS Trần Văn Quang	Trung cấp	Y sĩ		CNTT cơ bản			
37	Trần Đặng Thùy Trang	09/8/1985	Nữ	Kinh	Nhân viên Y tế học đường	Trường THCS Trần Văn Quang	Trung cấp	Y sĩ	Theo bảng điểm TC	Theo bảng điểm TC			Gửi đường bưu điện
38	Đỗ Nguyễn Bảo Châu	22/5/2001	Nữ	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Quản lý công					
39	Trương Thị Trang	04/6/2000	Nữ	Thổ	Chuyên viên về quản trị công sở	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Luật	Anh văn A2	CNTT cơ bản		dân tộc Thổ	
40	Trần Thị Hoài Trân	14/3/1980	Nữ	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Quan hệ quốc tế	Cử nhân Tiếng Anh	Văn phòng			
41	Lê Thị Hiền	25/02/1996	Nữ	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Luật	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH			
42	Hàng Phước Thọ	24/8/1983	Nam	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Công nghệ thông tin		Đại học			

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Chứng chỉ nghiệp vụ	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
43	Nguyễn Thị Bảo Châu	20/3/1987	Nữ	Kinh	Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Cao đẳng	Công nghệ thiết bị trường học					Gửi đường bưu điện (2 bộ HS)
44	Trần Thị Vân Anh	30/9/2001	Nữ	Kinh	Nhân viên Tư vấn học sinh	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Tâm lý học	Anh văn TOEIC 400	CNTT nâng cao	Nghiệp vụ Tư vấn tâm lý học đường		
45	Nguyễn Trạc Đa	12/9/1980	Nam	Kinh	Nhân viên Tư vấn học sinh	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Tâm lý học	Anh văn B	A			
46	Nguyễn Thị Ngọc Thủy	30/4/1987	Nữ	Kinh	Nhân viên Tư vấn học sinh	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Kế toán	Đại học				
47	Huỳnh Thị Mộng Tuyền	20/10/1984	Nữ	Kinh	Nhân viên Y tế học đường	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Trung cấp	Y sĩ	Anh văn A	A			
48	Phạm Thị Kim Thủy	08/4/1984	Nữ	Kinh	Nhân viên Giáo vụ	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Công nghệ may	Anh văn B	A			
49	Trần Thị Phương Vy	21/02/1986	Nữ	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Hành chính học		B			Gửi đường bưu điện
50	Dương Thị Ngọc Phương	08/3/1990	Nữ	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Luật	Anh văn B	A			
51	Võ Trần Duy	02/10/1993	Nam	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Luật				Người hoàn thành nghĩa vụ tham gia CAND	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Chứng chỉ nghiệp vụ	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
52	Hoàng Thị Lệ Thu	05/9/1996	Nữ	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Luật	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH			
53	Phạm Thị Cẩm Xuyên	05/02/2000	Nữ	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Luật	Anh văn B1	CNTT nâng cao			
54	Trần Hoàng Long	03/01/2001	Nam	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Công nghệ thông tin	Theo bảng điểm ĐH	Đại học			
55	Lê Đỗ Duy Triết	02/7/1978	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Đại học	Kế toán - Kiểm toán	chuyên về Tài chính và Kinh doanh	Trung cấp			
56	Dương Thuận Phú	26/5/1999	Nam	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Tài chính - Ngân hàng					Gửi đường bưu điện
57	Nguyễn Thị Thảo Nhi	23/11/1990	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Kế toán - Kiểm toán	Anh văn C	A			
58	Lý Ngọc Lan	15/10/1975	Nữ	Hoa	Nhân viên Y tế học đường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Trung cấp	Y sỹ	Anh văn B	B		dân tộc Hoa	
PHIẾU ĐĂNG KÝ ĐƠN VỊ DỰ TUYỂN CHƯA ĐÚNG													
1	Nguyễn Thị Ngọc Loan	03/5/1979	Nữ	Kinh	Nhân viên Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều							Gửi đường bưu điện
2	Trịnh Thị Sông Lam	10/3/1989	Nữ	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Ngành GDĐT quận Tân Bình	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	Anh văn B1				Gửi đường bưu điện
3	Nguyễn Huỳnh Gia Huy	24/5/2002	Nam	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Phòng GDĐT quận Tân Bình	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh văn TOEIC 730	CNTT nâng cao			Gửi đường bưu điện

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Chứng chỉ nghiệp vụ	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
-------	-----------	---------------------	-----------	---------	-----------------	-----------------	------------------	---	--------------------	------------------	---------------------	--------------------	---------

Tổng cộng có 93 trường hợp đăng ký vị trí dự tuyển Nhân viên (khối MN: 05, khối Tiểu học: 27, khối THCS: 58 và 03 Phiếu đăng ký đơn vị dự tuyển chưa đúng)./.

|

|

